

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2025

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Tiến Dũng**

2. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Châu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Trọng Nho** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1983

ĐKHKT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn V** – Sinh năm 1981

ĐKNKT: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn V kết hôn năm 2002. Hai bên được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung, tình cảm bước đầu hòa thuận. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh V thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi bới vợ con. Chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh V không thay đổi dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị L xác nhận tình cảm vợ chồng

giữa hai anh chị không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Hoàng Tuấn K sinh ngày 26/3/2004, cháu Hoàng Tuấn S sinh ngày 12/5/2008. Ly hôn, chị L đề nghị được nuôi cháu S và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu K hiện nay đã thành niên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị L xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Hoàng Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật tuy nhiên anh V đều chỉ nhận các văn bản tố tụng mà không ký tên, không hợp tác làm việc, không trình bày quan điểm.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi anh V cư trú, tại biên bản xác minh ngày 12/02/2025, địa phương cung cấp thông tin như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn V kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị ở nhà riêng tại khu G xã T. Hiện nay anh V đang đi làm tự do tại xã H huyện T, sáng đi tối về và làm tự do tại địa phương, thường xuyên có mặt tại địa phương. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn tới việc vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, nguyên nhân chủ yếu do anh V nát rượu, thường xuyên rượu chè mất ý thức, gia đình có cho đi cai nghiện bắt buộc nhưng không thay đổi. Hiện nay chị L cũng thường xuyên đi làm ăn xa. Nay chị L xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn K sinh năm 2004, cháu Hoàng Tuấn S sinh năm 2008. Hiện nay cháu K đã thành niên, còn cháu S đang làm lao động tự do tại địa phương. Chị L là lao động tự do có mức thu nhập từ 07 triệu đồng đến 08 triệu đồng một tháng, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Khu hành chính không nắm được.

Thay mặt khu hành chính, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Tuấn S sinh ngày 12/5/2008 đến khi cháu S thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Hoàng Văn V, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L và anh V đều có nơi ĐKNKTT tại xã T, huyện T vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của đương sự: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn V có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào năm 2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị L và biên bản xác minh tại địa phương xác định được: Sau khi chị L và anh V kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh V thường xuyên rượu chè mất ý thức, chửi bới vợ con, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Chị L cũng đi làm ăn xa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Hoàng Văn V, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh V có biết việc Tòa án thụ lý vụ án và thông báo anh V đến Tòa án để trình bày quan điểm và tiến hành hòa giải nhưng anh V không đến. Tòa án và chính quyền địa phương đã đến tại nhà ở để lấy lời khai và tổng đạt văn bản tố tụng nhưng anh V cũng không hợp tác làm việc, không ký nhận vào biên bản giao nhận. Tòa án đã gửi các giấy triệu tập và thông báo cho anh V thông qua khu hành chính, khu hành chính xác nhận đã nhận được các văn bản Tòa án gửi và thông báo đến cho anh V nhưng anh V không nhận và cũng không ký vào biên bản giao nhận.

Như vậy có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị L và anh V không còn tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng khắc phục. Anh V cố tình trốn tránh, không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm tại Tòa án, có thể thấy anh V không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng mà chỉ gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh V có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn K sinh ngày 26/3/2004, cháu Hoàng Tuấn S sinh ngày 12/5/2008. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị L là chính đáng vì: Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã chứng minh, anh V thường xuyên nát rượu, mất ý thức, chửi bới vợ con, không đến Tòa án để nêu quan điểm việc nuôi con. Chị L hiện làm lao động tự do, có thu nhập ổn định từ 7.000.000 đ – 8.000.000 đ/ tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy cháu S đến khi thành niên và cũng phù hợp với hoàn cảnh thực tế của gia đình, hơn nữa cháu S đã gần đủ 17 tuổi, hiện không theo học và đang tham gia lao động tại địa phương.

HĐXX xét thấy cần giao cháu Hoàng Tuấn S sinh ngày 12/5/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng*: Chị L xác định không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 28, 35, 39, 147, Điểm a,b Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn V.
2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Tuấn S sinh ngày 12/5/2008 kể từ khi ly hôn đến khi cháu S thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không có yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004459 ngày 28/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Thắng Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khắc Vĩnh

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."